

Số: 949/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xóa tên khỏi danh sách lớp từ học kỳ II năm học 2025-2026
đối với sinh viên các lớp đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐTTPHCM ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-TĐHTPHCM ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy phương thức đào tạo theo tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-TĐHTPHCM ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc Thành lập Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Xóa tên khỏi danh sách lớp từ học kỳ II năm học 2025-2026 đối với 87 sinh viên đại học chính quy, trong đó có: 01 sinh viên khóa 09, 13 sinh viên khóa 10, 02 sinh viên khóa 11, 10 sinh viên khóa 12 và 61 sinh viên khóa 13 (Đính kèm theo danh sách).

Lý do: Vi phạm tại Khoản 2, Điều 41, Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 504/QĐ-TĐHTPHCM ngày 30 tháng 7 năm 2025) đối với sinh viên các khóa hệ đại học hệ chính quy.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Công tác Sinh viên, Đào tạo; Trưởng các Khoa liên quan, Cố vấn học tập các lớp và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Gia đình sinh viên (để biết);
- Lưu VT, CTSV



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Quyền

DANH SÁCH

Sinh viên Khóa 09, 10, 11, 12, 13 xóa tên từ học kỳ II năm học 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 348/QĐ-TĐH-TPHCM ngày 05 tháng 1 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ TÊN	LỚP	KHOA	LÝ DO
1	0850070027	Nguyễn Hữu Luân	09_ĐH_TTMT	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
2	1050080122	Lê Thị Ngọc Tiên	10_ĐH_CNPM2	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
3	1150080094	Phan Hồng Hoàng	11_ĐH_CNTT3	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
4	1250080018	Nguyễn Trần Thiên Bảo	12_ĐH_CNTT1	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
5	1250080102	Võ Phú Lộc	12_ĐH_CNTT2	Công nghệ thông tin	Nghỉ học
6	1250080274	Đinh Văn Kịp	12_ĐH_CNTT3	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
7	1250080204	Nguyễn Hữu Tới	12_ĐH_CNTT4	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
8	1250070015	Nguyễn Võ Xuân Nghi	12_ĐH_HTTT	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
9	1350080081	Nguyễn Minh Hoàng	13_ĐH_CNTT1	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
10	1350080145	Nguyễn Hoàng Long	13_ĐH_CNTT1	Công nghệ thông tin	Nghỉ học
11	1350080040	Phạm Khánh Duy	13_ĐH_CNTT2	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
12	1350070010	Ngô Gia Bảo	13_ĐH_HTTT1	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
13	1350070017	Hoàng Ngọc Duy	13_ĐH_HTTT1	Công nghệ thông tin	Nghỉ học
14	1350070058	Nguyễn Lê Minh Quân	13_ĐH_HTTT2	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
15	1350070064	Hà Đức Tài	13_ĐH_HTTT2	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
16	1350070026	Mai Lê Ngọc Hân	13_ĐH_HTTT2	Công nghệ thông tin	Nghỉ học
17	1350080075	Đoàn Trần Trung Hiếu	13_ĐH_CNTT4	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
18	1350080012	Lê Quang Ân	13_ĐH_CNTT3	Công nghệ thông tin	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
19	1350080116	Võ Minh Khang	13_ĐH_CNTT6	Công nghệ thông tin	Nghỉ học
20	1350080242	Lâm Hữu Tân	13_ĐH_CNTT6	Công nghệ thông tin	Nghỉ học
21	1350080274	Lê Thị Thanh Thủy	13_ĐH_CNTT4	Công nghệ thông tin	Nghỉ học
22	1350100003	Vũ Đàm Anh Khoa	13_ĐH_ĐC	Địa chất và Khoáng sản	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
23	1350200027	Lý Bích Nghi	13_ĐH_CNHH	Khoa học ứng dụng	Nghỉ học
24	1050090419	Lê Khương Di	10_ĐH_QTTH10	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
25	1050090101	Lê Tuấn Kiệt	10_ĐH_QTTH3	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
26	1050090213	Lâm Chí Tài	10_ĐH_QTTH5	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
27	1050090224	Nguyễn Trần Thanh Trúc	10_ĐH_QTTH5	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
28	1050090283	Đoàn Nguyễn Quốc Dũng	10_ĐH_QTTH7	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
29	1050090343	Lê Hoàng Long	10_ĐH_QTTH8	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
30	1050090009	Phạm Tiến Đạt	11_ĐH_QTTH_1	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
31	1250110006	Nguyễn Minh Đạt	12_ĐH_KTTN	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
32	1250110035	Ngô Nguyễn Yến Vy	12_ĐH_KTTN	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
33	1250090212	Trần Ngô Hồng Ngọc	12_ĐH_QTTH4	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
34	1350110049	Nguyễn Huy Hoàng	13_ĐH_KTTN	Kinh tế	Nghỉ học
35	1350110011	Lê Ngọc Hải	13_ĐH_KTTN	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
36	1350110040	Dương Thanh Mỹ Trân	13_ĐH_KTTN	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
37	1350110069	Lê Thị Trúc Huỳnh	13_ĐH_KTTN	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
38	1350110070	Phan Võ Ngọc Trân	13_ĐH_KTTN	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
39	1350110050	Nguyễn Phi Hùng	13_ĐH_KTTN	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày



Handwritten signature/initials.

40	1350090004	Kiều Tuấn Anh	13_ĐH_QTKD1	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
41	1350090111	Huỳnh Văn Lắm	13_ĐH_QTKD1	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
42	1350090141	Nguyễn Phước Minh	13_ĐH_QTKD1	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
43	1350090238	Vương Ái Quỳnh	13_ĐH_QTKD1	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
44	1350090373	Lương Thị Yến Vy	13_ĐH_QTKD2	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
45	1350090039	Quách Thị Kim Cương	13_ĐH_QTKD2	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
46	1350090156	Nguyễn Thị Kim Ngân	13_ĐH_QTKD2	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
47	1350090337	Phạm Phú Trọng	13_ĐH_QTKD2	Kinh tế	Nghỉ học
48	1350090098	Nguyễn Trần Đăng Khoa	13_ĐH_QTKD2	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
49	1350090390	Võ Thị Kim Yến	13_ĐH_QTKD2	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
50	1350090092	Nguyễn Tuấn Khang	13_ĐH_QTKD4	Kinh tế	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
51	1350160016	Trần Hoàng Yến Phương	13_ĐH_THTNN	KT, TV và Tài nguyên nước	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
52	1350160007	Phạm Thị Hương	13_ĐH_THTNN	KT, TV và Tài nguyên nước	Nghỉ học
53	1350010017	Đặng Thị Thu Nguyên	13_ĐH_KT	KT, TV và Tài nguyên nước	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
54	1350010035	Lê Văn Huy	13_ĐH_KT	KT, TV và Tài nguyên nước	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
55	1250130001	Đỗ Chí Cường	12_ĐH_QLBĐ	Môi trường	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
56	1350020047	Đào Thanh Liêm	13_ĐH_MT	Môi trường	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
57	1350020049	Đoàn Minh Quân	13_ĐH_MT	Môi trường	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
58	1350120250	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	13_ĐH_QLTN3	Môi trường	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
59	1350120175	Cao Thị Ngọc Trinh	13_ĐH_QLTN3	Môi trường	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
60	1350120245	Trần Thị Thanh Thùy	13_ĐH_QLTN3	Môi trường	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
61	1350120039	Nguyễn Thị Hiền	13_ĐH_QLTN4	Môi trường	Nghỉ học
62	1350120248	Hoàng Chấn Hoa	13_ĐH_QLTN1	Môi trường	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
63	1050040006	Lê Đình Bảo	10_ĐH_QB	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
64	1050040159	Nguyễn Hoàng Phúc	10_ĐH_QĐ2	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
65	1050040224	Hà Bảo An	10_ĐH_QĐ2	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
66	1050040106	Lương Thị Hà Linh	10_ĐH_QĐ3	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
67	1050040246	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	10_ĐH_QG	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
68	1050040140	Lại Chí Bảo	10_ĐH_QH1	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
69	1250040195	Phan Hà Quyên	12_ĐH_QLĐĐ4	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
70	1350040124	Phạm Lê Khang	13_ĐH_QLĐĐ1	Quản lý đất đai	Nghỉ học
71	1350040263	Đỗ Minh Quân	13_ĐH_QLĐĐ1	Quản lý đất đai	Nghỉ học
72	1350040241	Lê Hữu Phát	13_ĐH_QLĐĐ1	Quản lý đất đai	Nghỉ học
73	1350040057	Ngô Hải Đăng	13_ĐH_QLĐĐ2	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
74	1350040136	Nguyễn Đăng Khoa	13_ĐH_QLĐĐ2	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
75	1350040385	Hồ Thanh Tuyền	13_ĐH_QLĐĐ4	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
76	1350040106	Nguyễn Gia Huy	13_ĐH_QLĐĐ5	Quản lý đất đai	Nghỉ học
77	1350040260	Lê Hải Phương	13_ĐH_QLĐĐ6	Quản lý đất đai	Nghỉ học
78	1350180001	Trần Bình An	13_ĐH_BDS	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
79	1350180043	Lê Thị Hồng Nhung	13_ĐH_BDS	Quản lý đất đai	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
80	1350180107	Trịnh Trâm Anh	13_ĐH_BDS	Quản lý đất đai	Nghỉ học
81	1350180063	Tô Nguyễn Linh Thy	13_ĐH_BDS	Quản lý đất đai	Nghỉ học
82	1350190024	Hoàng Duy Quang	13_ĐH_QLĐT	TĐBĐ&Công trình	Nghỉ học
83	1350190014	Trương Hồng Khuyên	13_ĐH_QLĐT	TĐBĐ&Công trình	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày

84	1350190034	Đỗ Thành Danh	13_ĐH_QLĐT	TĐBĐ&Công trình	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
85	1350030015	Bùi Hoàng Gia Hân	13_ĐH_TĐ2	TĐBĐ&Công trình	Nghỉ học
86	1350030052	Nguyễn Minh Quang	13_ĐH_TĐ2	TĐBĐ&Công trình	Nợ học phí và nghỉ học dài ngày
87	1350030097	Hà Thu Ngân	13_ĐH_TĐ1	TĐBĐ&Công trình	Nghỉ học

Tổng cộng: 87 sinh viên

Trong đó:

- Khoa Khoa học ứng dụng (khóa 13) - 01 sinh viên
- Khoa Công nghệ thông tin (khóa 09,10,11,12,13) - 21 sinh viên
- Khoa Kinh tế (khóa 10,11,12,13) - 27 sinh viên
- Khoa Môi trường (khóa 12,13) - 08 sinh viên
- Khoa Quản lý đất đai (khóa 10,11,12,13) - 19 sinh viên
- Khoa Khí tượng, Thủy văn và TNN (khóa 13) - 04 sinh viên
- Khoa TĐBĐ và Công trình (khóa 13) - 06 sinh viên
- Khoa Địa chất và Khoáng sản (khóa 13) - 01 sinh viên

